GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 22 tháng 7 năm 2020

Số: DN2000500

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 22/07/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 22/07/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư / Equipments ☐	Phụ tùng / Accessories ☐	Công cụ dụng cụ / Tools ☐	Dịch vụ / Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : / Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : / Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao / Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0202.01.0125	Trục van cone / Lance tube	Ø135x3150 - 1.4878 (chi tiết số 7, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái/Pcs	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	2.00	0	2	0	2.00	Vật tư Ash cone valve dia.430/DN 1500 hãng Laun Germany
2	0202.01.0127	Đầu chặn van cone / Lance tip	1.4835 (chi tiết số 72, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái/Pcs	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	4.00	0	4	0	4.00	Vật tư Ash cone valve dia.430/DN 1500 hãng Laun Germany
3	0202.01.0126	Ống bảo vệ trục van cone / Protecting tube	Ø497x383mm - 1.4848 (chi tiết số 8, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái/Pcs	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	4.00	0	4	0	4.00	Vật tư Ash cone valve dia.430/DN 1500 hãng Laun Germany
4	0202.02.0058	Tết chèn trục van cone / Packing cord	Ø175/135x20 - K16/K83 (chi tiết số 36,37, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Bộ/Set	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	4.00	0	4	0	4.00	Một bộ gồm 2 tết vật liệu K16, 1 tết vật liệu K83
5	0202.02.0059	Bộ kết nối trục van cone và ống bảo vệ trục van cone / Connecting parts for connection lance tube - protecting tube	2.4952/A2 (chi tiết số 76, 77, 48, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Bộ/Set	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	4.00	0	4	0	4.00	Bộ gồm 4 guzong mỗi guzong 2 ê cu và 2 long đen

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
6	0202.02.0060	Bộ kết nối trục van cone và đầu chặn van cone / Connecting parts for connection lance tube - lance tip	2.4634/A2 (chi tiết số 47,48,49, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Bộ/Set	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	4.00	0	4	0	4.00	Bộ gồm 4 guzong mỗi guzong 2 ê cu và 2 long đen
7	0202.02.0061	Hộp chèn kín liệu van cone / Stuffing box unit	1.0038/1.4828 (chi tiết số 6, bản vẽ 541-DA-LAUN.001)	Cái/Pcs	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	2.00	0	2	0	2.00	Vật tư Ash cone valve dia.430/DN 1500 hãng Laun Germany
8	0202.02.0062	Nắp bảo vệ cho bộ kết nối / Protecting caps for connecting parts	Mỗi bộ gồm: 4 nắp 1 1/4" sched 10 ANSI B 16.9 - SS	Bộ/Set	Vật tư dự phòng van cone lò 1, lò 2/Reserve valve cone for boiler1& 2	8.00	0	8	0	8.00	Vật tư Ash cone valve dia.430/DN 1500 hãng Laun Germany
Cộng/ToTal						**32.00**	**0**	**32**		**32**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 7 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000666

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Lê Trường Ca	Ngày đề nghị: Request Date: 07/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 20/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.02.1344	Điện trở gia nhiệt bu lông / Resistance to heat bolts	AC-220v, 630w, 0.6kw đường kính 16.5mm, chiều dài 280mm	Cái/Pcs	Que sưởi gia nhiệt bulong	20.00	6	14	0	20.00	Model: ZJ-17-2(R):Deyang, China
2	0310.02.0028	Gioăng cao su / Oring	Ø34xØ38xØ2 (áp lực 18MPa)	Cái/Pcs	Hệ thống van hơi chính	10.00	2	8	0	10.00	Chịu áp suất cao, chịu dầu
3	1201.02.1277	Điện cực chống ăn mòn cực (+) / Electrodes anti-corrosion polar (+)	AL-Zn-In: 500x(115+135)x130 (18 -25kg)	Cái/Pcs	Phòng mòn hệ thống tuần hoàn	50.00	0	50	12	50.00	Có bảng thành phần vật liệu
4	1401.01.0402	Thép ống đúc / Cast steel pipe	Inox 304, Ø323,85x9,5x6000mm	M	Cải tạo HT tuần hoàn	3.00	0	3	0	3.00	Ống đúc hoặc hàn
5	1401.01.0403	Cút góc vuông / Quit right angle	90 độ Phi 323,9 DN300	Cái/Pcs	Cải tạo HT tuần hoàn	2.00	0	2	0	2.00	Cút đúc hoặc hàn
6	1401.01.0807	Cút chếch / Get out	DN80, 316L, TC: SCH, Áp lực làm việc: 40kg/cm2, 45 độ	Cái/Pcs	Cải tạo HT thu bi	6.00	0	6	0	6.00	Cút đúc hoặc hàn
7	1401.02.0506	Cút hàn / Get off welding	Inox SUS316L DN80	Cái/Pcs	Cút góc 90 độ, đúc hoặc hàn	8.00	0	8	0	8.00	
8	1101.02.1204	Vòi xịt vệ sinh / Nozzle cleaning	BS304CW	Bộ/Set	Dụng cụ VS	20.00	5	15	0	20.00	Dùng chung các vị trí
9	1201.02.1010	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø2	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	Sửa chữa chung
10	1201.02.1011	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø2.5	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
11	1201.02.1012	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø3	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
12	1201.02.1013	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø3,5	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
13	1201.02.1014	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø4	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
14	1201.02.1015	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø5	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
15	1201.02.1016	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø6	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
16	1201.02.0440	Gioăng chỉ	ϕ8	m	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
17	1201.02.1017	Dây cao su chịu dầu / Oil resistant rubber wire	Ø10	M	Dùng chung	30.00	0	30	0	30.00	nt
18	1201.02.0442	Gioăng chỉ / Gasket	Ø12	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
19	1201.02.0443	Gioăng chỉ / Gasket	Ø14	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
20	1201.02.0444	Gioăng chỉ / Gasket	Ø16	M	Dùng chung	10.00	0	10	0	10.00	nt
21	1101.02.1191	Kìm hàn điện / Electric welding pliers	1000A	Cái/Pcs	Dụng cụ dùng chung	15.00	5	10	0	15.00	Sửa chữa chung
22	1101.02.0772	Ổ cắm + phích cắm / Socket + plug	3 chân , 16 A	Bộ/Set	Dụng cụ dùng chung	20.00	5	15	0	20.00	nt
23	1201.02.0579	Ổ cắm công nghiệp chia ba chân / Industrial three-legged socket	16A-6h/220-240V	Cái/Pcs	Dụng cụ dùng chung	20.00	5	15	0	20.00	nt
24	0402.02.0046	Phích cắm điện / Plug	2 chân 220V	Cái/Pcs	Dùng chung	30.00	10	20	0	30.00	nt

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
25	1401.02.0255	Ổ cắm kéo dài tay quay kiểu ru lô / Handwheel extension socket type roller	50 mét, 15A, QT50-2-15A	Cuộn/Roll	Dùng chung	4.00	3	1	0	4.00	nt
Cộng/ToTal						**348.00**	**41**	**307**		**348**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 5 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000703

Tên phòng ban: Department: Phòng an toàn	Người đề nghị: Phạm Minh Hùng	Ngày đề nghị: Request Date: 05/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 05/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.1270	Túi bóng đựng rác	Dùng cho thùng rác 240L	Kg	Phục vụ CT quản lý chất thải	100.00	50	50	0	100.00	
2	1201.02.1269	Túi bóng đựng rác	Dùng cho thùng rác 120L	Kg	Phục vụ CT quản lý chất thải	150.00	50	100	80	150.00	
Cộng/ToTal						**250.00**	**100**	**150**		**250**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 6 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000712

Tên phòng ban: Department: Phòng quản lý kho	Người đề nghị: N.T.Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 06/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 30/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1802.02.0174	Dịch vụ cung cấp và lắp đặt cửa cuốn / Service of supplying and installing rolling doors		Bộ/Set	Lắp cửa cuốn cho kho mới	2.00	2	0	0	2.00	
Cộng/ToTal						**2.00**	**2**	**0**		**2**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 7 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000716

Tên phòng ban: Phân xưởng sản xuất (vận hành) Department	Người đề nghị: Nguyễn Đức Tưởng	Ngày đề nghị: 07/10/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 07/10/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.01.0854	Cảm biến ôxi / Oxygen Sensor	Electrochemical oxygen sensor, Order No.: C79451-A3458-B55	Cái/Pcs	Thay thế định kỳ cho hệ thống CEMS tổ máy số 01 và 02	8.00	2	6	0	8.00	Hỗ trợ cài đặt và hiệu chuẩn, cần gấp
Cộng/ToTal						**8.00**	**2**	**6**		**8**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 8 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000719

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Mai Quý Ngữ	Ngày đề nghị: 08/10/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 30/11/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.02.0619	Mối nối nhanh / Super Screw	SS63-E/ EP100-800x6(4.5+1.5)	M		3.00	1	2	0	3.00	
2	1401.02.0620	Thép hình/ Angle steel	U120x65x6000mm	M	Dự phòng gia công kết cấu.	60.00	0	60	0	60.00	
3	1101.01.1258	Dùi khâu / Needle	L=135mm, khâu được chỉ 2mm	Cái/Pcs	Phục vụ khâu bù bố vải băng tải	10.00	1	9	0	10.00	
4	1401.02.0621	Đai siết / Hose clamp	DN200, 304, DIN 3017	Cái/Pcs	Gia công đường xả liệu cos46m	10.00	5	5	0	10.00	
5	1401.02.0622	Khớp nối giảm chấn / Rubber buffer coupling	98x54x20 - 8	Cái/Pcs	Thay khớp giảm chấn xuay cần máy đánh đống phá đống.	6.00	2	4	0	6.00	Có bản vẽ đính kèm
6	1401.02.0623	Đai siết / Hose clamp	DN300, 304, DIN 3017	Cái/Pcs	siết các khớp giãn nở lắp đường ống DN300	10.00	1	9	0	10.00	
7	1401.01.0564	Hộp giảm tốc / Gear unit	XWD10 - 17-30KW	Cái/Pcs	Dự phòng thay thế HGT thải tro bay bộ trộn hệ thống thải tro xỉ.	1.00	0	1	0	1.00	
8	1201.02.1019	Dây dù / Thread	2mm	M	Dù khâu bù bố vải sửa chữa băng tải rách cục bộ	200.00	0	200	0	200.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
9	1201.02.1077	Phớt chắn dầu / Oil seal	95x145x13/10A	Cái/Pcs	Thay phớt chắn dầu di chuyển cầu trục bốc than.	5.00	1	4	0	5.00	
Cộng/ToTal						**305.00**	**11**	**294**		**305**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 8 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000720

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 08/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 08/03/2021

Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments	☐	Phụ tùng Accessories	☐	Công cụ dụng cụ Tools	☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting	☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories :	☐	Đầu tư bổ sung	☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form			Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan	☐			Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1802.02.0175	Dịch vụ bảo dưỡng 24000 h máy nén khí G160W / 24000h air compressor maintenance service G160 W		Cái/Psc	Đại tu máy nén khí đo lường, máy nén khí phục vụ. máy sấy khí đo lường/Overhaul the metering air compressor, the service air compressor. metering gas dryer	4.00	0	4	0	4.00	Yêu cầu đơn vị có chuyên môn và năng lực tốt về máy nén khí
2	1802.02.0177	Dịch vụ bảo dưỡng 24000 h máy sấy nén khí FX18&AD630 / 24000h maintenance service for air compressor FX18&AD630		Cái/Psc	Đại tu máy nén khí đo lường, máy nén khí phục vụ. máy sấy khí đo lường/Overhaul the metering air compressor, the service air compressor. metering gas dryer	3.00	0	3	0	3.00	Yêu cầu đơn vị có chuyên môn và năng lực tốt về máy nén khí
Cộng/ToTal						**7.00**	**0**	**7**		**7**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 8 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000723

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Đức Anh	Ngày đề nghị: Request Date: 08/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 08/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0907.01.0034	Cặp nhiệt / Thermocouple	Loại K, 4 dây, 0-1200 độ C, L=1050mm, chống mài mòn, PN: M-14625-01	Cái/Pcs	Thay cảm biến nhiệt độ cyclone, EHE	10.00	5	5	0	10.00	Yamari, cần gấp
2	0907.01.0035	Cặp nhiệt / Thermocouple	Loại K, 4 dây, 0-1200 độ C, L=900mm, chống mài mòn, PN: M-14625-01	Cái/Pcs	Thay cảm biến nhiệt độ buồng đốt, chân hồi liệu	10.00	5	5	0	10.00	Yamari, cần gấp
3	0907.01.0038	Nhiệt điện trở / Resistance temperature Detector	Loại Pt100, PN: M-14625-06 , L=220mm	Cái/Pcs	Thay cảm biến nhiệt độ gối quạt, bơm..	5.00	2	3	0	5.00	Yamari, cần gấp
4	0907.01.0039	Nhiệt điện trở / Resistance temperature Detector	Loại Pt100, PN: M-14625-06 , L=420mm	Cái/Pcs	Thay cảm biến nhiệt độ gối quạt, bơm..	5.00	3	2	0	5.00	Yamari, cần gấp
5	0907.01.0040	Nhiệt điện trở / Resistance temperature Detector	Loại Pt100 , 6 dây, cáp dài 10m, PN: M-14625-08	Cái/Pcs	Thay cảm biến nhiệt độ bạc chặn turbine, bơm cấp...	6.00	3	3	0	6.00	Yamari, cần gấp
Cộng/ToTal						**36.00**	**18**	**18**		**36**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 9 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000724

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Mai Quý Ngữ	Ngày đề nghị: 09/10/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 11/10/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1802.02.0145	Dịch vụ thuê khoán dán bọc cao su tang băng tải / Service for covering pulley rubber	Tang 1400mmx630mm	Cái/Pcs	Phục hồi tang băng cần, tang chuyển hướng máy đánh đống phá đống A,B.	3.00	3	0	0	3.00	BOP cô, kéo kẹp ghim băng tải, Thuê khoán dịch vụ cung cấp vật tư dán nối hãng Rema tiptop và thực hiện phá bỏ lớp hỏng và dán mới
Cộng/ToTal						**3.00**	**3**	**0**		**3**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent